

Số: 02/BB - ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2024

BIÊN BẢN

Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

I. Thời gian: Từ 9h00 phút ngày 07 tháng 6 năm 2024.

II. Địa điểm họp: Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

III. Thành phần tham dự Đại hội:

1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN gồm:

Ông Phạm Thế Trọng Toàn	Ủy viên HĐQT, Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc
Ông Trịnh Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT
Bà Đặng Thu Hương	Ủy viên HĐQT.

2. Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN gồm:

Bà Bùi Thị Linh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Kiểm soát viên.
Ông Trần Thế Nam	Kiểm soát viên.

3. Các cổ đông của Công ty như sau:

a. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN là 100 tỷ đồng, tương ứng với 10 triệu cổ phần. Chốt danh sách cổ đông ngày 31/5/2024 của Công ty gồm có 01 cổ đông tổ chức và 510 cổ đông cá nhân.

b. Số cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 là: 07 cổ đông, sở hữu 8.540.664 cổ phần, chiếm 85,40% số cổ phần biểu quyết, trong đó:

* Cổ đông tổ chức Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận sở hữu 6.950.221 cổ phần. Người đại diện: Bà Đặng Thu Hương, Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

* Các cổ đông cá nhân tham dự gồm có:

- Ông Phạm Thế Trọng Toàn sở hữu 720.409 CP.
- Ông Trịnh Mạnh Hùng sở hữu và đại diện sở hữu 816.950 CP.

3. Ông Nguyễn Hoàng Quân sở hữu 10.000 CP.
4. Bà Đinh Thị Huyền Trang sở hữu 3.500 CP.
5. Ông Phạm Hồng Thanh sở hữu 6.666 CP.
6. Ông Nguyễn Văn Vịnh sở hữu 32.918 CP.

IV. Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội: Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty (Ông Trịnh Trung Úy - Chủ tịch HĐQT Công ty đi công tác đột xuất nên ủy quyền cho ông Phạm Thế Trọng Toàn) Có giấy Ủy quyền kèm theo.

2. Chủ tọa Đại hội giới thiệu: Ông Nguyễn Hoàng Quân – Người phụ trách quản trị Công ty làm Thư ký Đại hội và đã được các cổ đông biểu quyết tán thành 8.540.664 cổ phần, chiếm 100%.

3. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu gồm:

- + Ông Hoàng Văn Thương: Trưởng ban
- + Bà Lê Thị Thu Huyền: Ủy viên.
- + Bà Nguyễn Thị Hằng: Ủy viên.

Ban kiểm phiếu đã được các cổ đông biểu quyết tán thành 8.540.664 cổ phần, chiếm 100%.

V. Tiến hành Đại hội:

1. Ông Trần Thế Nam – Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã đọc Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố 07 cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội cổ đông bất thường năm 2024, sở hữu 8.540.664 cổ phần, chiếm 85,40% số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN, Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN đã hội đủ các điều kiện để tiến hành.

2. Chủ tọa Đại hội giới thiệu bà Trần Thị Thanh Loan đọc Quy chế tham dự đại hội và được các cổ đông biểu quyết tán thành 8.540.664 cổ phần, chiếm 100%.

VI. Nội dung cuộc họp:

1. Thông qua Hợp đồng mua tàu vận tải biển đã qua sử dụng, trọng tải toàn phần 25.825 MT.

2. Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn sà lan, trọng tải 5.600 tấn.

3. Thông qua Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

4. Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 và Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang.



VII. Nghị quyết:

1. Thông qua Hợp đồng mua tàu vận tải biển đã qua sử dụng, trọng tải toàn phần 25.825 MT.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Phó Giám đốc Công ty báo cáo tại Tờ trình số 207/TTr-VWTC ngày 24/5/2024 về việc xem xét Hợp đồng mua tàu vận tải biển Việt Thuận 235 -02, trọng tải toàn phần 25.825 MT giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí:

Thông qua Hợp đồng mua tàu vận tải biển Việt Thuận 235-02, trọng tải toàn phần 25.825 MT giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận với nội dung chính như sau:

- a. Đơn vị mua tàu: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.
 - Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Mã số doanh nghiệp: 5700647458
 - Điện thoại: 0203. 3518 069
- b. Đơn vị bán tàu: Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.
 - Địa chỉ: Số 412 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
 - Mã số doanh nghiệp: 5700562451
 - Điện thoại: 0203. 2222 689
- c. Thông số kỹ thuật tàu Việt Thuận 235-02
 - Hồ hiệu/Số IMO: XVFC3/9868546
 - Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký: 29/11/2018
 - Năm đóng: 2018 tại Việt Nam
 - Trọng tải toàn phần: 25.825 MT
 - Tổng dung tích: 15009 GT
 - Dung tích thực dụng: 8550 NT
 - Chiều dài lớn nhất: 150,55 m
 - Chiều rộng: 26,80 m
 - Mớn nước: 9,40 m
- d. Giá mua tàu Việt Thuận 235-02: Giá đã bao gồm thuế VAT là **260.000.000.000** đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- e. Các điều khoản khác: Thực hiện theo các nội dung trong Hợp đồng (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

1006
ÔN
CỔ
HẠN T
VIN/
ONG

2. Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn sà lan, trọng tải 5.600 tấn.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền – Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 208/TTr-VWTC ngày 24/5/2024 về việc thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn sà lan trọng tải 5.600 tấn.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn sà lan trọng tải 5.600 tấn với một số nội dung chính như sau:

- a. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.
 - Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Mã số doanh nghiệp: 5700647458
 - Điện thoại: 0203. 3518 069
- b. Đơn vị thi công đóng sà lan: Công ty TNHH Hà Bình.
 - Địa chỉ: Thôn Lê Hà, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
 - Mã số doanh nghiệp: 0800251884
 - Điện thoại: 0934575999; 0913913006
- c. Thời gian đóng: 07 tháng (210 ngày) không tính ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày mưa bão và ngày mất điện lưới quốc gia.
- d. Thông số kỹ thuật:
 - Tên/ký hiệu thiết kế: Đoàn sà lan tàu đẩy; Thiết kế sà lan B 52-01, thiết kế tàu đẩy TB 12-01. Kiểu và công dụng: Đoàn sà lan tàu đẩy 5.600 tấn bao gồm 04 boong nổi (mỗi boong 1.400 tấn). Vật liệu thân tàu: Vở thép.
 - Thông số Sà lan:
 - + Chiều dài: 54,20 m
 - + Chiều rộng: 12,00 m
 - + Trọng tải toàn phần: 1.400 T
 - + Chiều cao mạn: 2,90 m
 - + Cấp tàu: VR-SI/SII
 - + Phân cấp: Đăng kiểm Việt Nam.
 - Thông số Tàu đẩy:
 - + Chiều dài: 26,30 m
 - + Chiều rộng: 5,06 m
 - + Chiều cao mạn: 2,60 m
 - + Máy chính: 1360 HP
 - + Cấp tàu: VR-SI
 - + Phân cấp: Đăng kiểm Việt Nam.
- d. Giá trị tài sản đóng mới 02 đoàn sà lan: Giá đã bao gồm thuế VAT là **99.000.000.000** đồng (*Chín mươi chín tỷ đồng chẵn*).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

3. Thông qua Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 là người có liên quan giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty báo cáo về Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 số 01/HĐVC/TB/2024/VTT-VT ngày 29/4/2024 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí:

Thông qua Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 là người có liên quan số 01/HĐVC/TB/2024/VTT-VT ngày 29/4/2024 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

4. Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 và Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, 2025 là người có liên quan giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty báo cáo về Hợp đồng vận chuyển năm 2024 và Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí:

- Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 là người có liên quan số 0301/HĐVC/PT-VTT/2024 ngày 03/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

- Thông qua Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 là người có liên quan số 0205/2024/HĐVC/PT-VTT ngày 02/5/2024 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

5. Thông qua Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2024.



58
TY
N
H
U
A
I
N
U
A
N

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Hoàng Quân – Thư ký đại hội trình bày các nội dung tại bản dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 và được biểu quyết như sau:

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 kết thúc vào hồi 11h10 ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Biên bản đã thông qua Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành tại Đại hội./.

THƯ KÝ

Nguyễn Hoàng Quân

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA - ỦY VIÊN HĐQT**



Phạm Thế Trọng Toàn



Số: 02/NQ - ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2023;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-ĐHĐCĐ ngày 07/6/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Hợp đồng mua tàu vận tải biển đã qua sử dụng, trọng tải toàn phần 25.825 MT.

Thông qua Hợp đồng mua tàu vận tải biển Việt Thuận 235-02, trọng tải toàn phần 25.825 MT giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận với nội dung chính như sau:

- a. Đơn vị mua tàu: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.
 - Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Mã số doanh nghiệp: 5700647458
 - Điện thoại: 0203. 3518 069
- b. Đơn vị bán tàu: Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.
 - Địa chỉ: Số 412 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
 - Mã số doanh nghiệp: 5700562451
 - Điện thoại: 0203. 2222 689
- c. Thông số kỹ thuật tàu Việt Thuận 235-02
 - Hồ hiệu/Số IMO: XVFC3/9868546
 - Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký: 29/11/2018
 - Năm đóng: 2018 tại Việt Nam
 - Trọng tải toàn phần: 25.825 MT
 - Tổng dung tích: 15009 GT
 - Dung tích thực dụng: 8550 NT
 - Chiều dài lớn nhất: 150,55 m

- Chiều rộng: 26,80 m
- Mớn nước: 9,40 m

d. Giá mua tàu Việt Thuận 235-02: Giá đã bao gồm thuế VAT là **260.000.000.000** đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).

e. Các điều khoản khác: Thực hiện theo các nội dung trong Hợp đồng (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Điều 2. Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn sà lan, trọng tải 5.600 tấn.

Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn sà lan trọng tải 5.600 tấn với một số nội dung chính như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.
 - Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
 - Mã số doanh nghiệp: 5700647458
 - Điện thoại: 0203. 3518 069
- Đơn vị thi công đóng sà lan: Công ty TNHH Hà Bình.
 - Địa chỉ: Thôn Lê Hà, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
 - Mã số doanh nghiệp: 0800251884
 - Điện thoại: 0934575999; 0913913006
- Thời gian đóng: 07 tháng (210 ngày) không tính ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày mưa bão và ngày mất điện lưới quốc gia.
- Thông số kỹ thuật:
 - Tên/ký hiệu thiết kế: Đoàn sà lan tàu đẩy; Thiết kế sà lan B 52-01, thiết kế tàu đẩy TB 12-01. Kiểu và công dụng: Đoàn sà lan tàu đẩy 5.600 tấn bao gồm 04 boong nổi (mỗi boong 1.400 tấn). Vật liệu thân tàu: Vỏ thép.
 - Thông số Sà lan:
 - + Chiều dài: 54,20 m
 - + Chiều rộng: 12,00 m
 - + Trọng tải toàn phần: 1.400 T
 - + Chiều cao mạn: 2,90 m
 - + Cấp tàu: VR-SI/SII
 - + Phân cấp: Đăng kiểm Việt Nam.
 - Thông số Tàu đẩy:
 - + Chiều dài: 26,30 m
 - + Chiều rộng: 5,06 m
 - + Chiều cao mạn: 2,60 m
 - + Máy chính: 1360 HP

57006
CÔ
C
VẬN
VI
HÀ LOI

- + Cấp tàu: VR-SI
- + Phân cấp: Đăng kiểm Việt Nam.

d. Giá trị tài sản đóng mới 02 đoàn sà lan: Giá đã bao gồm thuế VAT là **99.000.000.000** đồng (Chín mươi chín tỷ đồng chẵn).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Điều 3. Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024, năm 2025 là người có liên quan giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024, năm 2025 là người có liên quan số 01/HĐVC/TB/2024/VTT-VT ngày 29/4/2024 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Điều 4. Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 và Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, 2025 là người có liên quan giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang.

- Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 là người có liên quan số 0301/HĐVC/PT-VTT/2024 ngày 03/01/2024 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

- Thông qua Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, năm 2025 là người có liên quan số 0205/2024/HĐVC/PT-VTT ngày 02/5/2024 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang (Có Hợp đồng chi tiết kèm theo).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Điều 5. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2024.
2. Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN uỷ quyền cho ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty ký các quyết định được thông qua các nội dung trong

Nghị quyết này đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Cty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các ủy viên HĐQT, Kiểm soát viên Cty;
- Giám đốc, Phó Giám đốc;
- Các Phòng, ban đơn vị trong Cty;
- Lưu Người PTQT Cty; Văn thư.



Phạm Thế Trọng Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẤT THƯỜNG NĂM 2024**

Thời gian: 9h00 ngày 07/6/2024

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI GIỚI THIỆU	NGƯỜI TRÌNH BÀY	HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT
I	Ôn định tổ chức, chào cờ, giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa đại hội		Bà Trần Thị Thanh Loan	
II	Giới thiệu: Thư ký; Ban kiểm phiếu và Nội dung Đại hội. Mời Chủ tọa lên Điều hành Đại hội		Bà Trần Thị Thanh Loan	Thẻ biểu quyết
III	Đọc báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - UVHĐQT - Chủ tọa	Ông Trần Thế Nam - KSV	
IV	Thông qua Quy chế làm việc	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - UVHĐQT - Chủ tọa	Ông Hoàng Văn Thương	Thẻ biểu quyết
V	Báo cáo của Công ty			
1	Thông qua Hợp đồng mua tàu Vận tải biển đã qua sử dụng trọng tải toàn phần 25.825 MT			
2	Thông qua Hợp đồng đầu tư đóng mới 02 đoàn sà lan, trọng tải 5600 tấn			
3	Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024; 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - UVHĐQT - Chủ tọa	Bà Trần Thị Thu Hiền - UVHĐQT	Thẻ biểu quyết



4	Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 và Hợp đồng vận chuyển than năm 2024,2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang			
VI	Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - UVHĐQT - Chủ tọa	Ông Nguyễn Hoàng Quân - Thư ký	Thẻ biểu quyết
VII	Kết thúc Đại hội		Ông Phạm Thế Trọng Toàn - UVHĐQT - Chủ tọa	

TM. BAN TỔ CHỨC





NỘI DUNG ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2024

Ngày 07/6/2024

1. Thông qua Hợp đồng mua Tàu vận tải biển đã qua sử dụng trọng tải toàn phần 25.825 MT.

2. Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn Sà lan trọng tải 5.600 tấn

3. Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024; 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

4 Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024 và Hợp đồng vận chuyển than năm 2024, 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

DANH SÁCH THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

Hạ Long, ngày 07/6/2024

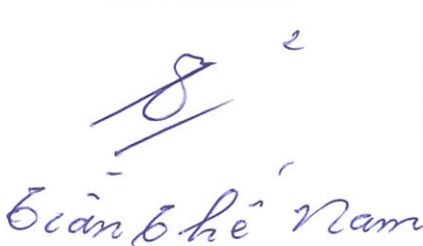
STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN	GHI CHÚ
	Cổ đông tham dự					
1	Cổ đông Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận	Đặng Thu Hương	6.950.221		6.950.221	
2	Cổ đông	Phạm Thế Trọng Toàn	720.409		720.409	
3	Cổ đông	Trịnh Mạnh Hùng	546.567	270.383	816.950	
4	Cổ đông	Nguyễn Hoàng Quân	10.000	8.400	18.400	
5	Cổ đông	Đinh Thị Huyền Trang	3.500		3.500	
6	Cổ đông	Nguyễn Văn Vịnh	32.918		32.918	
7	Cổ đông	Phạm Hồng Thanh	6.666		6.666	
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
	TỔNG CỘNG		8.270.281	278.783	8.549.064	

THƯ KÝ

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA
TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA


Nguyễn Huy Quân


Trần Thế Nam




Phạm Thế Trọng Toàn

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUY CHẾ
LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích

Quy định này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định và phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

Điều 3: Chương trình nghị sự

1. Chương trình nghị sự của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Giấy mời họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được Điều lệ công ty cho phép có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất hai ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 16h30 ngày 05/6/2024). Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự
- Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác

minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.

- Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp
- Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường
- Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội
- Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
- Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5: Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1. Thông qua Hợp đồng mua Tàu vận tải biển đã qua sử dụng trọng tải toàn phần 25.825 MT.
2. Thông qua Hợp đồng đóng mới 02 đoàn Sà lan trọng tải 5.600 tấn
3. Thông qua Hợp đồng vận chuyển năm 2024; 2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.
4. Thông qua Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng về vay vốn giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

Điều 6: Chủ tịch: Điều hành Đại hội là Chủ tịch, Chủ tịch là người chủ trì Đại hội (Chủ tọa). Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. **Chủ tịch có trách nhiệm:**

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7: Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho Chủ tịch Đại hội là Người phụ trách quản trị Công ty (Thư ký) Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Thư ký có nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của

mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

- Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội;
- Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;
- Phát phiếu biểu quyết cho Cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng

Cổ đông.

Điều 9: Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử
- Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông
- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội. Công bố kết quả biểu quyết
- Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

Điều 10: Các quyền của Cổ đông

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (hoặc hộ chiếu), Giấy mời tham dự, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Phiếu biểu quyết và tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

- Tuân thủ Nội quy Đại hội
- Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức.
- Thảo luận các nội dung báo cáo.
- Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
- Chấp hành sự điều khiển của chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG III: THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11: Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

- Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

- Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

- Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12: Biểu quyết tại Đại hội

c. Nguyên tắc biểu quyết :

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông sử dụng giơ Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin.

Thẻ lệ biểu quyết:

- *Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết*: Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:**

+ Phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và không có dấu của Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin.

d. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty về việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Biên bản Đại hội

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ỦY VIÊN HĐQT



Phạm Thế Trọng Toàn

C. T. C. P. H. N. I. N. H.

Số: 06 /GUQ-VWTC

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

1. Thông tin người ủy quyền :

Ông: Trịnh Trung Úy

Sinh ngày: 15/11/1971

Địa chỉ thường trú: 228 Hoàng Ngân Cầu Giấy Hà Nội

Số Thẻ CCCD: 022071002819 cấp ngày 06/05/2019.

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.

Mã số thuế : 5700647458

Số điện thoại liên hệ: 0913.301.607

2. Thông tin người được ủy quyền :

Ông: Phạm Thế Trọng Toàn

Sinh ngày: 12/11/1977.

Địa chỉ thường trú: Tổ 6A khu 6 Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh

Số Thẻ CCCD: 034077002344 cấp ngày 23/7/2022

Chức vụ: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.

Mã số thuế : 5700647458

Số điện thoại liên hệ: 0912.565.234

3. Nội dung ủy quyền:

Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 07/6/2024. Hiện nay tôi đang bị ốm nên tôi ủy quyền cho ông Phạm Thế Trọng Toàn - Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty thay mặt tôi điều hành Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.

4. Thời hạn ủy quyền :

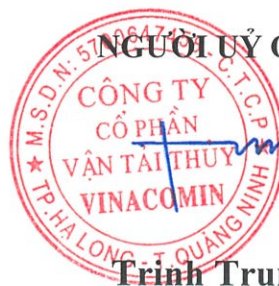
Việc ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 07/6/2024 của Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin.

Người ủy quyền cam kết đã biết rõ những nội dung nêu trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Phạm Thế Trọng Toàn

NGƯỜI ỦY QUYỀN



Trịnh Trung Úy



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN

Quảng Ninh, ngày 07/6/2024



THIỆT BIỂU QUYẾT

CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: BÀ DẶNG THU HƯƠNG

SỞ HỮU: **6.950.221** CỔ PHẦN

Số: 207 /TTr-VWTC

Hạ Long, ngày 24 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt hợp đồng mua tàu Việt Thuận 235-02

Kính gửi: Đại hội Cổ đông bất thường năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 về phê duyệt dự án mua tàu vận tải biển Việt Thuận 235-02.

HDQT công ty trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 phê duyệt Hợp đồng mua tàu vận tải biển Việt Thuận 235-02 như sau:

1. Đơn vị bán tàu: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN có địa chỉ số 412, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Mã số thuế: 5700562451; tài khoản: 115000171992 ngân hàng Vietinbank - KCN Hải Dương.

2. Thời gian bàn giao: Dự kiến trong khoảng tháng 6 đến tháng 7/2024.

3. Thông số kỹ thuật: Chiều dài toàn bộ 150,55 m; Chiều dài hai trụ 139,98 m; Chiều rộng 26,8 m; Tổng dung tích 15.000GT; Trọng tải 25.825 tấn; Tổng công suất máy chính 2 X 2665 KW; Phân cấp Đăng kiểm Việt Nam: VR-HIII.

4. Giá trị tài sản: 260.000.000.000, đ (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng) đã bao gồm thuế GTGT.

Kính đề nghị Đại hội Cổ đông bất thường công ty xem xét phê duyệt./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC.



Phạm Thế Trọng Toàn

DỰ THẢO



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀU BIỂN

Số: /VTT-VT/HĐMBT/VT235-02

- Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH11 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký và mua bán, đóng mới tàu biển của Chính phủ;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh chúng tôi gồm:

BÊN MUA TÀU: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN (BÊN A)

- Địa chỉ : Ô số 16 lô B17 khu đô thị Cột 5, Cột 8, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

- Điện thoại : 0203 3518069 Fax: 0203 3518059

- Tài khoản số: 4485066888 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hạ Long.

- MST : 5700647458

- Do ông : **Phạm Thế Trọng Toàn** Chức vụ : **Giám đốc làm đại diện**

BÊN BÁN TÀU: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN (BÊN B)

- Địa chỉ : Số 412, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng Ninh

- Mã số thuế : 5700562451

- Điện thoại : 0203.2222689 - Fax : 0203.6519888

- Tài khoản số: 115000171992 tại NH Vietinbank - KCN Hải Dương
01181 0023 9666 999 tại NH TMCP Phương Đông-CN Hải Phòng

- Đại diện ông: **Trịnh Trung Úy** Chức vụ : **Giám đốc làm đại diện**

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán tàu biển – Tàu VIỆT THUẬN 235-02 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện được nêu dưới đây:

ĐIỀU 1: THỎA THUẬN CHUNG

Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua 01 (một) tàu biển (Sau đây gọi tắt là “Tàu”) với các thông số kỹ thuật chính như sau:

Tên phương tiện: VIỆT THUẬN 235-02	Hồ hiệu/ Số IMO: XVFC3/9868546
Năm và nơi đóng: 2018 Việt Nam	Loại tàu: TM.Tàu hàng tổng hợp
Tổ chức đăng kiểm: VR	Chiều dài lớn nhất: 150.550 m
Cảng Đăng ký: HẢI PHÒNG	Chiều dài hai trụ: 139.930 m
Trọng tải toàn phần: 25825.00 MT	Chiều rộng : 26.800 m
Tổng dung tích: 15009 GT	Món nước: 9.400 m
Dung tích thực dụng: 8550 NT	Chiều cao mạn: 12.600 m
Tổng công suất máy chính: 2 x 2665= 5330kw	Kiểu máy chính: Guangzhou 6G32

Giấy chứng nhận đăng ký số HP-GEN-002711-4 ngày 29/11/2018

ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA

Ngày làm việc: là ngày từ thứ hai đến thứ sáu, không bao gồm ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật tại Việt Nam.

Ngày: là ngày dương lịch bao gồm ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật tại Việt Nam.

Giá bán Tàu: Là giá bán được nêu tại Điều 3 dưới đây, giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và chưa bao gồm các chi phí thực tế mà Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán đối với lượng nhiên liệu (F.O; D.O), dầu nhớt (L.O) còn lại trên Tàu tại thời điểm bàn giao Tàu.

Thông báo sẵn sàng giao Tàu: là thông báo Bên Bán gửi cho Bên Mua thông báo Tàu “VIỆT THUẬN 235-02” đã sẵn sàng cho việc bàn giao trên mọi phương diện từ Bên Bán sang cho Bên Mua.

Biên bản bàn giao Tàu: là biên bản bàn giao ký tại thời điểm bàn giao Tàu giữa đại diện Bên Mua và đại diện Bên Bán.

Biên bản bàn giao thực trạng: là biên bản bàn giao thực trạng con Tàu ký giữa hai thuyền trưởng hoặc người được phân công, chỉ định của Bên Bán và Bên Mua khi bàn giao thực tế Tàu “VIỆT THUẬN 235-02”.

Thời điểm bàn giao Tàu: là thời điểm đại diện Bên Bán và đại diện Bên Mua ký Biên bản bàn giao Tàu và Biên bản bàn giao thực trạng.

Tình trạng tàu khi bàn giao: Bên Bán đảm bảo tàu phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phụ tùng vật tư và được cấp đầy đủ các Giấy chứng nhận theo yêu cầu của Đăng kiểm Việt Nam đối với cấp tàu Biển hạn chế III vùng biển Việt Nam.

ĐIỀU 3: GIÁ BÁN

Hai Bên đồng ý mua bán tàu VIỆT THUẬN 235-02 nói trên theo phương thức mua đứt – bán đoạn, nguyên trạng (điều kiện, trạng thái kỹ thuật các thiết bị hoạt động bình thường và giấy tờ đăng ký, đăng kiểm hiện tại như thế nào thì bàn giao như vậy cho Bên Mua). Hợp đồng này sẽ là cơ sở pháp lý để tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sở hữu giữa hai bên.

Tổng giá bán Tàu (đã bao gồm thuế GTGT theo quy định) là: 260.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn)

ĐIỀU 4: TIỀN ĐẶT CỌC

Ngay sau khi ký Hợp đồng này, Bên Mua chuyển tiền đặt cọc (lần 01) là: **10.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn./.) vào Tài khoản chỉ định của Bên Bán ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 5: PHỤ TÙNG, THIẾT BỊ THAY THẾ, NHIÊN LIỆU, DẦU NHỜN, MỠ BÔI TRƠN, NƯỚC NGỌT, THỰC PHẨM VÀ CÁC VẬT TƯ, VẬT DỤNG KHÁC CÒN LẠI TRÊN TÀU

5.1 Bên Bán sẽ giao Tàu cho Bên Mua với tất cả những gì thuộc về Tàu tại thời điểm giao Tàu bao gồm các phụ tùng, thiết bị, vật tư, công cụ dụng cụ đã dùng hay chưa dùng theo quy định đang có trên Tàu, nhưng không bao gồm những vật tư, vật dụng đang đặt hàng (nếu có). Các thiết bị radio được lắp đặt và các thiết bị hàng hải trên Tàu đã bao gồm trong giá bán Tàu nếu đó là tài sản của Bên Bán.

5.2 Bên Mua cam kết sẽ mua lại toàn bộ phần nhiên liệu (FO ; D.O), dầu nhờn (L.O) còn trong két và/hoặc còn nguyên trong thùng /phuy /can ...ở trên Tàu với đơn giá được xác định trên cơ sở hoá đơn mua gần nhất và khoản thuế GTGT theo quy định hiện hành trước ngày bàn giao Tàu.

Tại thời điểm bàn giao Tàu thực tế:

+ Đại diện Bên Bán và Bên Mua và/hoặc đơn vị giám định độc lập được hai bên đồng chỉ định sẽ đo lường, xác định cụ thể số lượng nhiên liệu (F.O; D.O), dầu nhờn (L.O).

+ Bên Bán sẽ xuất hóa đơn GTGT cho bên Mua về giá trị nhiên liệu (F.O; D.O), dầu nhờn (L.O) còn lại trên Tàu theo biên bản bàn giao dầu ký giữa hai bên.

+ Bên Mua chuyển trả số tiền nhiên liệu (F.O; D.O), dầu nhờn (L.O) còn lại trên Tàu vào Tài khoản của Bên Bán theo quy định trong vòng 10 ngày sau khi ký biên bản bàn giao Tàu.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN.

6.1 Phương thức và đồng tiền thanh toán

Các giao dịch phát sinh theo Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản được quy định trong Hợp đồng này hoặc bù trừ công nợ (nếu có) giữa hai bên.

Đồng tiền tính giá và đồng tiền thanh toán: Hai bên cùng thống nhất các giao dịch phát sinh theo Hợp đồng này được tính và thanh toán bằng Việt Nam Đồng.

6.2 Điều kiện thanh toán:

(i) Thanh toán đợt 1

Trong vòng 24h sau khi ký Hợp đôn, Bên Mua phải chuyển tiền đặt cọc (lần 01) vào tài khoản của Bên Bán quy định trong hợp đồng này số tiền cụ thể là:

10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn)

(ii) Thanh toán đợt 2

Trong vòng 07 (Bảy) ngày làm việc kể từ ngày đặt cọc Bên Mua phải thanh toán vào tài khoản của bên Bán số tiền, cụ thể là:

20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng)

(iii) Thanh toán đợt 3

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán lần thứ hai Bên Mua phải thanh toán vào tài khoản của bên Bán số tiền, cụ thể là:

30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng)

(iiii) Thanh toán đợt 4

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán lần thứ ba Bên Mua phải thanh toán vào tài khoản của bên Bán số tiền, cụ thể là:

47
NG
PH
TÀI
AC
3.

55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng)

(iiii) Thanh toán đợt 5

Trong vòng 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán lần thứ tư Bên Mua phải thanh toán vào tài khoản của bên Bán số tiền còn lại, cụ thể là:

145.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng)

- Tiền nhiên nhiên liệu FO; DO, dầu nhớt các loại còn tồn lại trên Tàu được thực hiện thanh toán theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: THÔNG BÁO, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀU:

7.1. Bên Bán sẽ cập nhật và thông báo thời gian dự kiến đến cảng giao Tàu bằng email/ điện thoại cho Bên Mua 3, 2 và 1 ngày trước ngày dự kiến giao Tàu. Khi Tàu đã sẵn sàng về mọi phương diện để bàn giao theo Hợp đồng này, Bên Bán phải gửi Thông báo sẵn sàng giao tàu bằng văn bản qua email hoặc đường bưu điện cho Bên Mua.

Tàu sẽ được giao và nhận nguyên trạng ở trạng thái nổi an toàn tại phao/vị trí neo thuộc vùng nước của một Cảng an toàn khu vực Cẩm Phả, Quảng Ninh theo thỏa thuận của hai bên. Dự kiến ngày 01/7/2024

7.2. Nếu Bên Bán lường trước rằng cho dù đã thực hiện một cách cẩn thận nhưng Tàu chưa sẵn sàng để giao trước Ngày hủy hợp đồng, Bên Bán có thể gửi văn bản thông báo lại thời gian dự kiến Tàu sẵn sàng để giao và đề nghị Ngày hủy hợp đồng mới. Ngay khi nhận được thông báo này, Bên Mua có thể lựa chọn hủy Hợp đồng theo Khoản 13.1 trong vòng 07 ngày nhận được thông báo hoặc chấp thuận Ngày hủy hợp đồng mới. Nếu Bên Mua không tuyên bố trong vòng 07 ngày nhận được thông báo của Bên Bán hoặc nếu Bên Mua chấp nhận thời hạn mới thì ngày được đề nghị trong thông báo của Bên Bán sẽ được coi là Ngày hủy hợp đồng mới thay cho Ngày hủy hợp đồng nêu tại Khoản 7.2.

Nếu Hợp đồng này được duy trì với Ngày hủy hợp đồng mới thì tất cả các điều khoản và điều kiện khác bao gồm Khoản 7.1 và 7.3 vẫn được giữ nguyên và đầy đủ hiệu lực.

7.3. Việc ký kết các chứng từ bàn giao Tàu (bao gồm Biên bản bàn giao Tàu - giữa Bên Bán, Bên Mua) sẽ được tiến hành tại văn phòng của Bên Bán (Địa chỉ trụ sở chính: Số 412, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành Phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh). Nếu có thay đổi thì Bên Bán sẽ thông báo trước cho Bên Mua bằng văn bản hoặc Email, điện thoại.

7.4. Việc bàn giao chỉ diễn ra khi bên mua hoàn tất các thủ tục thanh toán được ghi trong các điều khoản tại hợp đồng này.

ĐIỀU 8: GIÁM ĐỊNH TÀU VÀ KIỂM TRA PHẦN CHÌM

- Trước khi giao tàu hai bên cùng tiến hành kiểm tra giám định lại các thiết bị và vật tư trên tàu hoặc bên Bán và bên Mua đồng chỉ định đơn vị giám định độc lập tiến hành giám định để xác định số lượng trang thiết bị, số lượng nhiên liệu trên tàu và tình trạng tàu.,...

- Kết quả giám định là cơ sở để hai bên tính toán giá trị nhiên liệu (F.O; D.O), dầu nhớt (L.O) còn lại trên Tàu, tình trạng con Tàu và tổn thất, thiệt hại, hư hỏng (nếu có) đối với toàn bộ Tàu.

ĐIỀU 9: LÀM QUEN TÀU

Ngay sau khi Hợp đồng được ký kết, Bên Mua có quyền đưa tối đa 02 (hai) đại diện lên Tàu trước khi chính thức nhận bàn giao với mục đích làm quen, nhưng không được tham gia điều hành, can thiệp và gây ảnh hưởng tới công việc trên Tàu cũng như không được gây trở ngại cho việc quản lý, khai thác, vận hành Tàu. Thời gian cụ thể sẽ do hai bên thoả thuận và Bên Mua phải cam kết bằng văn bản chịu mọi rủi ro, chi phí đối với 02 (hai) đại diện của mình trong thời gian làm quen trên Tàu.

Bên Mua cũng phải trả các chi phí phát sinh khác kể cả phí thông tin liên lạc của đại diện Bên Mua.

ĐIỀU 10: NGUYÊN TẮC BÀN GIAO TÀU VÀ THỜI ĐIỂM XÁC NHẬN QUYỀN SỞ HỮU

Sau khi Bên Mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này và Bên Bán đã gửi Thông báo sẵn sàng giao tàu cho Bên Mua thì tại thời điểm bàn giao Tàu, các đại diện có thẩm quyền/ hoặc được ủy quyền của hai bên sẽ chính thức ký **Biên bản bàn giao Tàu**. Đồng thời, Thuyền trưởng hoặc đại diện được ủy quyền của hai bên cũng sẽ ký **Biên bản bàn giao thực trạng**.

Các biên bản bàn giao là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng mua bán tàu biển này.

Kể từ thời điểm đại diện có thẩm quyền-hoặc được ủy quyền của hai bên chính thức ký Biên bản bàn giao Tàu thì toàn bộ con Tàu cùng hồ sơ tài liệu, phụ tùng, vật tư, đồ dùng, tài sản của Tàu như quy định tại Điều 5 Hợp đồng này sẽ thuộc quyền sở hữu của Bên Mua và Bên Mua sẽ tự chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, chi phí liên quan. Bên Bán sẽ chấm dứt hợp đồng bảo hiểm tàu ngay sau khi ký biên bản bàn giao tàu, Bên Mua sẽ tự thực hiện trách nhiệm bảo hiểm tàu và thuyền viên của mình kể từ thời điểm này.

Bên Bán cam kết khi nhận đủ tiền thanh toán Bên Bán sẽ làm các thủ tục xóa đăng ký tàu biển và giao cho Bên Mua “Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển” sớm nhất có thể trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên Bán nhận đủ tiền thanh toán để làm thủ tục sang tên, đổi chủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 11: CÁC CHỨNG TỪ BÀN GIAO

Trước thời điểm ký kết Biên bản bàn giao Tàu, Bên Mua và Bên Bán phải giao cho phía bên kia các chứng từ sau:

* Các chứng từ của Bên Bán:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản phô tô).
- Giấy uỷ quyền của Bên Bán cho Người đại diện ký Biên bản bàn giao thực trạng tàu (bản gốc).

* Các chứng từ của Bên Mua:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản phô tô)
- Giấy uỷ quyền của Bên Mua cho Người đại diện ký Biên bản bàn giao tàu/ Biên bản bàn giao thực trạng tàu (Nếu người ký các Biên bản không phải là đại diện pháp luật của Bên Mua) (bản gốc)
- Các chứng từ khác theo thỏa thuận của các bên.

* Các chứng từ Bên Bán và Bên Mua sẽ ký kết tại thời điểm bàn giao Tàu bao gồm:

- Biên bản giám định số lượng nhiên liệu, dầu nhớt còn lại trên tàu tại thời điểm bàn giao.

- Biên bản bàn giao tàu, xác nhận thời gian và ngày bàn giao tàu giữa Bên Bán và Bên Mua.
- Biên bản bàn giao thực trạng giữa 02 Thuyền trưởng hoặc người được phân công và được ủy quyền của Bên Bán và Bên Mua.
- Hóa đơn GTGT mua bán Tàu theo quy định hiện hành.
- Bản sao Hóa đơn GTGT tiền mua nhiên liệu, dầu nhớt gần nhất.

Tại thời điểm giao Tàu, Bên Bán sẽ trao cho Bên Mua Chứng nhận phân cấp tàu cũng như các bản vẽ... có trên Tàu. Các chứng nhận khác ở trên Tàu cũng phải được trao cho Bên Mua trừ khi Bên Bán được yêu cầu giữ lại và ở trường hợp này Bên Mua sẽ được quyền sao chép lại. Những tài liệu kỹ thuật khác thuộc sở hữu của Bên Bán sẽ được chuyển cho Bên Mua nếu có đề nghị với chi phí do Bên Mua chịu. Bên Bán có thể giữ lại Nhật ký hàng hải của Tàu nhưng Bên Mua cũng có quyền sao chép lại.

ĐIỀU 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

12.1. Quyền và trách nhiệm của Bên bán:

- Bên Bán cam kết cấp tàu thỏa mãn các yêu cầu của Đăng kiểm Việt Nam đối với tàu Biển hạn chế III vùng biển Việt Nam. Tàu sẵn sàng về mọi mặt để bàn giao cho bên Mua.
- Bên bán cam kết tại thời điểm ký Biên bản bàn giao tàu VIỆT THUẬN 235-02 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN.
- Bên bán sẽ bàn giao tàu VIỆT THUẬN 235-02 cho Bên mua ngay sau khi bên mua đã thanh toán hết tiền theo điều khoản của hợp đồng này.
- Bên bán có nghĩa vụ xóa đăng ký, giao giấy chứng nhận xóa đăng ký và các tài liệu liên quan đến tàu VIỆT THUẬN 235-02 cho bên mua.
- Bên bán có nghĩa vụ xuất hóa đơn Giá trị gia tăng hợp pháp về tàu VIỆT THUẬN 235-02, hóa đơn nhiên liệu, hóa đơn dầu bôi trơn cho bên mua.

12.2. Quyền và trách nhiệm của Bên mua:

- Đặt cọc và thanh toán theo các điều khoản tại hợp đồng.
- Nhận bàn giao và được quyền sở hữu tàu VIỆT THUẬN 235-02 ngay khi nhận bàn giao từ bên bán và có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan để đăng ký sở hữu, đưa tàu vào khai thác và sử dụng theo quy định.

ĐIỀU 13: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 13.1. Nếu Bên Bán không gửi Thông báo sẵn sàng giao Tàu theo Khoản 7.1 hoặc chưa sẵn sàng giao Tàu trước Ngày hủy hợp đồng quy định tại Khoản 7.2 hoặc Ngày hủy hợp đồng mới quy định tại Khoản 7.3 Hợp đồng này, Bên Mua sẽ được quyền hủy Hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được văn bản thông báo lại thời gian dự kiến Tàu sẵn sàng để giao và đề nghị Ngày hủy hợp đồng mới của Bên Bán. Trong trường hợp Bên Mua quyết định hủy Hợp đồng, Bên Bán sẽ chuyển trả cho Bên Mua trong thời gian sớm nhất số tiền mua Tàu đã nhận của Bên Mua theo Điều 6 Hợp đồng này (nếu có). Đồng thời, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng hoặc Bên Bán chứng minh được việc đã thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách miễn cưỡng, Bên Bán sẽ phải bồi thường cho Bên Mua những tổn thất phát sinh liên quan.

- 13.2. Nếu Bên Mua không thanh toán đầy đủ và đúng hạn Giá bán tàu và các khoản tiền khác theo quy định của Hợp đồng này cũng như chưa sẵn sàng nhận Tàu theo Thông báo sẵn sàng giao Tàu của Bên Bán, Bên Bán có quyền hủy Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên Bán được quyền hưởng toàn bộ tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh (nếu có) và Bên Mua sẽ phải bồi thường cho Bên Bán toàn bộ những tổn thất phát sinh liên quan mà không được căn trừ vào tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh (nếu có).

ĐIỀU 14: CAM KẾT THỰC HIỆN

- Các bên cùng xác nhận việc lập, ký Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, đã được thực hiện trong tinh thần minh mẫn, sáng suốt, có đầy đủ khả năng nhận thức và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình.
- Các bên hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình theo các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này, cũng như theo các quy định của pháp luật về việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán tàu.
- Các bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm Hợp đồng, gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng này và/hoặc pháp luật hiện hành.
- Mọi tranh chấp, phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được các bên trao đổi và giải quyết trên tinh thần hợp tác và xây dựng. Nếu các bên không thương lượng, hoà giải được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án nơi Bên bán đặt trụ sở.

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý sau khi được các bên thoả thuận và đồng ý bằng văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau và mỗi bên giữ 04 (bốn) bản chính; Sau khi đọc lại, các bên khẳng định đã hiểu rõ, hoàn toàn nhất trí với các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này và cùng tự nguyện ký tên dưới đây. Hợp đồng ký qua Fax/Email có giá trị như bản chính cùng nội dung.

BÊN BÁN

BÊN MUA

Số: 208 /TTr-VWTC

Hạ Long, ngày 24 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt hợp đồng đóng mới 02 Đoàn sà lan tàu đẩy 5.600 Tấn

Kính gửi: Đại hội Cổ đông bất thường năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 về phê duyệt dự án đóng mới 02 đoàn sà lan tàu đẩy.

HDQT công ty trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 phê duyệt Hợp đồng đóng mới 02 Đoàn sà lan 5.600 tấn như sau:

1. Đơn vị thi công: CÔNG TY TNHH HÀ BÌNH có địa chỉ tại thôn Lê Hà, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Điện thoại: 0934575999 /0913913006 - Fax: 0220 3794094; Mã số thuế : 0800251884; Tài khoản số: 116000084108 mở tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh KCN Hải Dương.

2. Thời gian thi công: 210 ngày làm việc, không bao gồm các ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của chính phủ, mưa bão và mất điện lưới quốc gia; thời gian tính kể từ ngày khởi công.

3. Thông số kỹ thuật:

- Tên/ ký hiệu thiết kế: Đoàn sà lan tàu đẩy; thiết kế Sà lan B 52-01, thiết kế Tàu đẩy TB 12-01. Kiểu và công dụng của sà lan: Đoàn Sà lan tàu đẩy 5.600 tấn (04 boong nổi, mỗi boong 1.400 tấn). Vật liệu thân tàu: Vỏ thép.

- Thông số Sà lan : Chiều dài (Lmax/L): 54,2 m, Chiều rộng (Bmax/B):12 m; Trọng tải toàn phần (DW): 1.400 T, Chiều cao mạn (D): 2,9 m; Cấp tàu: VR-SI/SII; Phân cấp: Đăng kiểm Việt Nam.

- Thông số Tàu đẩy: Chiều dài (Lmax/L) :26,3 m; Chiều rộng: (Bmax/B) : 5,6 m; Chiều cao mạn (D): 2,6 m; Mớn nước thiết kế: 1,8 m; Máy chính: 1360 HP; Cấp tàu: VR-SI; Phân cấp: Đăng kiểm Việt Nam.

4. Giá trị tài sản: 99 tỷ/ 02 đoàn sà lan đã bao gồm thuế GTGT (49,5 tỷ/ đoàn X 02 đoàn).

Kính đề nghị Đại hội Cổ đông bất thường công ty xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC.



TM. HDQT CÔNG TY
UỶ VIÊN

Phạm Thế Trọng Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN THAN NĂM 2024-2025

Số: 01/HĐVC/TB/2024/VTT-VT

- Căn cứ Luật dân sự năm 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi tương ứng hiện hành.
- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 04 năm 2024, tại Thành phố Hạ Long, chúng tôi gồm

Bên thuê vận chuyển: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ-VINACOMIN
(gọi tắt là **Bên A**)

Địa chỉ: Ô số 16 lô B17 khu đô thị cột 5, cột 8, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3820567 Fax: 0203 3518 322/059

Tài khoản: 8689.8888.001 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Quảng Ninh
: 448.5066.888 tại BIDV – CN Hạ Long

Mã số thuế: 5 7 0 0 6 4 7 4 5 8

Do ông: **Phạm Thế Trọng Toàn** – Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Bên vận chuyển: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN
(gọi tắt là **Bên B**)

Trụ sở tại: số 412 Đường Quang Trung, P. Quang Trung, Tp Uông Bí, Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.2222689 Fax: 0203.6519888

Tài khoản: 115000171992 tại Vietinbank – KCN Hải Dương

Tài khoản: 0118100239666999 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Hải Phòng

Tài khoản: 212 399 6999 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ, Hà Nội

Mã số thuế: 5 7 0 0 5 6 2 4 5 1

Do ông: **Trịnh Tiến Mạnh** - Chức vụ: **Phó Giám đốc là đại diện**

Giấy ủy quyền số 55/UQ-VT ngày 26/06/2023 do ông Trịnh Trung Uý chức vụ Giám đốc ký

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng vận chuyển than năm 2024 – 2025 với các điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng, khối lượng, tuyến vận chuyển và đơn giá vận chuyển

1.1- Tên hàng: than cám các loại.

1.2- Khối lượng (dự kiến): 3.400.000 tấn ($\pm 20\%$)

Căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế hợp lý và nhu cầu của khách hàng mua than, hàng tháng hai bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyển cho phù hợp.

1.3- Tuyến vận chuyển và đơn giá: như phụ biểu kèm theo.

1.4- Cước vận chuyển sẽ được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh giá cước của TKV theo sự biến động của giá nhiên liệu và/hoặc theo sự thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng bổ sung được hai bên ký.

Điều 2. Phương tiện vận chuyển

2.1. Phương tiện vận chuyển.

+ Đối với tuyến vận chuyển đi NĐ Vũng Áng 1: Tàu biển và/hoặc tàu SB có trọng tải tối thiểu 20.000 DWT, tối đa 30.000 DWT, có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Để phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và thiết bị dỡ hàng tại cảng dỡ của NMNĐ ưu tiên những phương tiện vận chuyển có tải trọng từ 20.000 DWT đến 30.000 DWT, ít khoang hàng (dưới 04 hầm hàng), khoang hàng không lộ xương, đóng/mở hầm hàng tự động, đáp ứng được điều kiện dỡ hàng của NMNĐ Vũng Áng 1.

+ Đối với tuyến vận chuyển đi NĐ Vĩnh Tân 1+ Vĩnh Tân 2: Tàu biển/tàu SB có trọng tải ≥ 20.000 tối đa 50.000 tấn DWT có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.

+ Đối với tuyến đi NĐ Duyên Hải 1: Tàu biển và/hoặc tàu SB có trọng tải < 15.000 DWT (chạy tuyến cảng rớt hàng khu vực Nghi Sơn, Thanh Hóa) và tàu biển và/hoặc tàu SB có trọng tải ≥ 15.000 DWT, tối đa 30.000 DWT, có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Để phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và thiết bị dỡ hàng tại cảng dỡ của NMNĐ ưu tiên những phương tiện vận chuyển có tải trọng từ 15.000 DWT đến 30.000 DWT, không có cầu, ít khoang hàng (dưới 03 hầm hàng), khoang hàng không lộ xương, đóng/mở hầm hàng tự động, đáp ứng được điều kiện dỡ hàng của NMNĐ Duyên Hải 1.

+ Bên vận chuyển phải huy động đủ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo thực hiện được khối lượng vận chuyển theo tiến độ.

+ Tuổi phương tiện vận chuyển: ưu tiên những phương tiện không quá 15 tuổi.

+ Các trường hợp khác theo sự thống nhất của khách hàng mua than của TKV.

2.2- Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện hoạt động theo luật định, đủ khả năng chuyên chở hàng hóa, phù hợp với loại hàng hóa được vận chuyển và hoạt động đúng phạm vi đăng kiểm, đủ điều kiện xác định khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Đảm bảo đủ các phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thời gian thực hiện hợp đồng, phải được trang bị bạt che hàng, đảm bảo an toàn hàng hoá trong quá trình vận chuyển.

2.3- Phương tiện vận chuyển phải tham gia bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu và Đơn bảo hiểm này có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển. Hàng hóa chỉ được xếp lên phương tiện vận chuyển khi có sự xác nhận từ công ty bảo hiểm.

2.4- Bên vận chuyển phải gửi danh sách các phương tiện vận chuyển cùng với các giấy tờ liên quan có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển cho Bên A để cung cấp cho các đơn vị bảo hiểm xác nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm trước khi giao than lên phương tiện vận chuyển. Bên vận chuyển phải đảm bảo các chứng từ của phương tiện vận chuyển là thật và các chứng từ này phải có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển hàng hóa được bảo hiểm; bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau:

a. Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện;

b. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa);

c. Giấy đăng kiểm của phương tiện, cụ thể:

- Đối với Tầu biển là Giấy chứng nhận phân cấp tàu,

- Đối với tàu SB là Giấy chứng nhận An toàn kĩ thuật và bảo vệ môi trường

2.5- Trong trường hợp đơn vị bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất nguyên nhân do phương tiện vận tải thiếu các giấy tờ hợp lệ/giấy tờ hết hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển/giấy tờ giả mạo, đơn vị vận chuyển phải bồi thường cho toàn bộ tổn thất (nếu có)

2.6. Phương tiện vận chuyển cho từng chuyến hàng sẽ được quy định cụ thể trong các phụ lục hợp đồng vận chuyển kèm theo hợp đồng này.

Điều 3. Phương pháp xác định khối lượng, độ ẩm giao nhận và tỷ lệ chênh lệch hao hụt

3.1- Phương pháp xác định khối lượng: Giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước hoặc bằng cân (căn cứ vào phương pháp xác định khối lượng giữa TKV và khách hàng mua than).

3.2- Độ ẩm giao nhận:

Tại cảng xếp hàng: Là độ ẩm thực tế tại cảng xếp hàng. Độ ẩm tiếp nhận không lớn hơn 13%. Trường hợp độ ẩm đầu nguồn lớn hơn 13% thì thực hiện theo thoả thuận và có sự thống nhất của các bên liên quan (Bên bán than, Mua than, vận chuyển).

3.3- Tỷ lệ hao hụt (mức trần) trong quá trình giao nhận, vận chuyển: như Phụ biểu kèm theo.

Chênh lệch hao hụt được tính như sau: khối lượng chênh lệch hao hụt bằng khối lượng rót hàng tại đầu nguồn tương ứng với độ ẩm thực tế tại cảng rót (theo giấy chứng nhận giám định khối lượng, chất lượng than cảng rót) trừ khối lượng giao nhận cuối nguồn được quy về độ ẩm tại đầu nguồn, cách tính quy đổi theo các TCVN hiện hành.

Điều 4. Năng suất xếp và dỡ hàng

Thời gian xếp/dỡ hàng/thường, phạt dôi nhật:

- Tại cảng xếp hàng: CQD (không thưởng, không phạt, tốc độ xếp, dỡ hàng theo tập quán phổ biến của cảng).

- Tại cảng dỡ hàng: theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên Mua hàng.

Điều 5. Thời gian làm hàng và vận chuyển

5.1- Khi tàu đến vị trí neo chờ vào cầu (khu vực qui định của cảng) đại diện phương tiện trao thông báo sẵn sàng làm hàng (N.O.R) để xếp/dỡ hàng trong giờ làm việc buổi sáng (từ 08:00 đến 12:00 giờ), buổi chiều (từ 13:00 đến 17:00 giờ) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Bảy trừ chủ nhật, ngày lễ, tết), thời gian làm hàng được tính như sau:

+ Tại cảng xếp: Nếu N.O.R trao vào buổi sáng trước 12:00 giờ, thời gian làm hàng sẽ được tính từ 13:00 giờ cùng ngày, trường hợp N.O.R trao sau 12:00 giờ thì thời gian làm hàng sẽ được tính vào 08:00 giờ sáng ngày hôm sau.

Do phải làm mẫu chất lượng hàng tại cảng xếp, nên thời gian xếp hàng được cộng thêm tối đa là 12 giờ để tính thời gian làm hàng tại cảng xếp. Nếu thời gian làm mẫu dưới 12 giờ thì tính theo số giờ thực tế.

+ Tại cảng dỡ: Sau khi tàu cập cảng, đại diện của TKV, khách hàng cùng với đại diện phương tiện kiểm tra kẹp chì và mở hầm hàng tiến hành lấy mẫu, giám định khối lượng, giám định chất lượng, (thời gian này không quá 24 giờ kể từ khi tàu cập cảng, không tính thời gian làm hàng) và sau đó tiến hành dỡ hàng.

5.2- Thay đổi thời gian xếp hàng: Trường hợp cần thay đổi thời gian xếp hàng, trong thời gian không dưới 07 ngày trước thời hạn xếp hàng (đã có laycan) trước đó, Bên A gửi thông báo đề nghị sửa đổi ngày xếp hàng chậm lại/hoặc nhanh hơn để Bên B có thời gian điều chỉnh lịch tàu cho phù hợp.

Điều 6. Khối lượng tính cước, thanh toán

6.1- Khối lượng tính cước: là khối lượng than giao nhận tại cảng dỡ hàng tương ứng với độ ẩm thực tế (theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng tại cảng dỡ hàng).

Khối lượng tính cước tuyến vận chuyển đi Nhà máy nhiệt điện BOT Vĩnh Tân 1: là khối lượng được xác định trong Chứng thư khối lượng tại cảng xếp hàng.

6.2 - Thanh toán:

6.2.1- Chứng từ thanh toán gồm:

+ Vận tải đơn.

+ Biên bản giao nhận than tại các địa điểm trả hàng.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng cước vận chuyển.

+ Các giấy tờ hàng hoá khác (nếu có)

6.2.2- Phương thức và thời hạn thanh toán:

6.2.2.1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc bù trừ công nợ, nếu có

6.2.2.2. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B theo từng chuyến hàng đã được vận chuyển trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán như quy định tại mục 6.2.1 nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2- Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại khoản 7.1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3- Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4- Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5- Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6- Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8. Miễn bồi thường, bồi thường

8.1- Bồi thường:

(a) Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hoá bị tổn thất bao gồm nhưng không giới hạn các nguyên nhân sau: sai sót của thuyền trưởng, thủy thủ trong quá trình điều khiển phương tiện, va chạm với bên thứ ba, lỗi kỹ thuật của phương tiện, Bên vận chuyển vi phạm luật Hàng hải hoặc luật giao thông đường thủy nội địa, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn, làm thay đổi thiết kế

kỹ thuật của phương tiện, xếp hàng quá tải, làm mất niêm phong kẹp chì dẫn đến mất/tồn thất than...

(b) Trường hợp hàng hoá bị tổn thất và/hoặc bị giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng và/hoặc để hàng hoá hao hụt vượt quá mức trần qui định tại mục 3.3 Điều 3, thì Bên vận chuyển phải bồi thường cho Bên A 100% giá trị khối lượng than tổn thất và/hoặc hao hụt quá tỷ lệ qui định hoặc giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng, theo giá hồ sơ thanh toán của lô hàng tại thời điểm xảy ra tổn thất.

(c) Trường hợp độ ẩm của than tăng thêm trong quá trình giao nhận, vận chuyển do lỗi của Bên vận chuyển thì Bên thuê vận chuyển được quyền xem xét việc tạm dừng khai thác phương tiện vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên vận chuyển (trường hợp vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng).

Khi phát sinh việc độ ẩm của than tăng do lỗi của Bên vận chuyển, thì đại diện các bên lập biên bản sự việc xác định tỷ lệ độ ẩm tăng, khối lượng tăng thêm do tăng độ ẩm của than và trách nhiệm của Bên vận chuyển.

8.2- Khối lượng hàng hoá chênh lệch hao hụt vượt quy định được tính cho từng phương tiện vận chuyển, nếu có, Bên B phải bồi thường như quy định tại khoản 8.1.

8.3- Trường hợp phương tiện phải chờ dỡ hàng và dỡ hàng chậm tại cảng dỡ trong điều kiện thời tiết bình thường (ngoại trừ bất khả kháng) do lỗi của Bên mua hàng, thì việc phạt dôi nhật phương tiện (nếu có) được thực hiện theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên mua hàng.

8.4- Trường hợp Bên B cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán than mà TKV đã ký với khách hàng thì Bên B phải bồi thường chi phí chờ đợi rút hàng của thiết bị, chi phí trả công nhân xếp dỡ và các chi phí liên quan đồng thời chịu bồi thường toàn bộ tổn thất mà TKV phải chịu theo hợp đồng mua bán than với bên mua hàng.

8.5- Bồi thường tổn thất: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên vận chuyển vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng mà gây ra thiệt hại, tổn thất cho Bên Thuê vận chuyển thì Bên vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho Bên Thuê vận chuyển toàn bộ các tổn thất mà Bên vận chuyển đã gây ra và các chi phí mà Bên Thuê vận chuyển đã phải chi trả để khắc phục (nếu có).

8.6- Chứng từ thanh toán các khoản bồi thường gồm:

+ Biên bản xác định khối lượng, giá trị than bị tổn thất hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định, hoặc về việc cung cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian, hoặc về thời gian dôi nhật tàu lập giữa hai bên.

+ Văn bản đề nghị bồi thường hoặc trả tiền phạt của bên bị vi phạm gửi bên vi phạm.

8.7- Tiền bồi thường (nếu có) được thanh toán mỗi tháng một lần, trước ngày 15 của tháng sau.

Điều 9. Trách nhiệm của mỗi bên

9.1- Trách nhiệm của Bên A:

+ Thông báo kế hoạch vận chuyển cho Bên B trước ngày 03 của tháng (bằng email/fax).

+ Cấp đủ các chứng từ kèm theo lô hàng theo quy định.

+ Đảm bảo bến bãi, thiết bị xếp dỡ an toàn, đảm bảo năng suất.

+ Chịu trách nhiệm xếp/dỡ hàng ở hai đầu bến đảm bảo năng suất thỏa thuận, thời hạn laycan và phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm hàng.

+ Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B đúng thời hạn thỏa thuận theo Quy định tại điều 6.2.2.

+ Cử cán bộ có thẩm quyền tại các địa điểm giao nhận để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao nhận hàng hoá tại hai đầu bến.

9.2- Trách nhiệm của Bên B:

+ Đảm bảo đủ phương tiện vận chuyển hàng và đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

+ Thông báo cho Bên A lịch tàu (laycan) nhận hàng tại cảng xếp (bằng email/fax) trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo kế hoạch vận chuyển tháng của Bên A. Thông báo cho Bên A trước ít nhất 24 giờ, trước khi phương tiện vào cảng trả hàng.

+ Điều động tàu đến cảng trong thời hạn laycan để nhận hàng.

+ Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu và các giấy tờ theo luật định; tuân thủ nội quy của các cảng xếp và dỡ hàng.

+ Chủ phương tiện chịu trách nhiệm bảo quản, đảm bảo an toàn hàng hóa về chất lượng, khối lượng trong suốt quá trình xếp/dỡ và vận chuyển.

+ Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT của hàng hoá;

- Vận tải đơn (Bill of lading);

- Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của TKV hoặc đơn vị giám định của khách hàng cấp kèm theo lô hàng;

- Biên bản kẹp chì hầm hàng.

+ Thông báo kịp thời cho Bên A những vướng mắc, sự cố phát sinh trong quá trình vận chuyển và giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.

Khi có tổn thất than vì bất kỳ lý do nào, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng email hoặc điện thoại và bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ khi tổn thất xảy ra và phải cùng Bên A, cùng các bên liên quan xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho Bên A và công ty Bảo hiểm hàng hoá (than).

Điều 10. Điều khoản thi hành

10.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

10.2- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp để giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng quyền lợi của mỗi bên.

10.3- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được hai bên bàn bạc, thỏa thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng bổ sung để thực hiện.

10.4- Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

10.5- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý mà không cần phải lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng này.

11/10/2011

158
TY
N
CHỦ
MIN
QUẢN



10.6- Hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2024 đến hết ngày 31/12/2025. Trường hợp than được rút lên phương tiện vận chuyển trước 31/12/2025 nhưng chưa kết thúc hành trình và dỡ hàng thì hợp đồng tự động gia hạn cho đến khi kết thúc việc dỡ hàng. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Tiến Mạnh

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Phạm Thế Trọng Toàn

PHỤ BIỂU GIÁ TUYÊN VẬN CHUYÊN VÀ TỶ LỆ HAO HỤT



Số TT	Tuyên vận chuyên	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ hao hụt giao nhận bằng giám định món nước (%)
1	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh)		
	- Cảng rớt khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyển tải	134.000	0,3
	- Từ cảng trung chuyển Nghi Sơn	107.000	0,3
2	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 1 (Bình Thuận)		
	- Cảng rớt khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyển tải	169.600	0,3
3	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (Bình Thuận)		
	- Cảng rớt khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyển tải	169.600	0,3
	- Từ cảng trung chuyển Nghi Sơn	156.000	0,3
4	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 (Trà Vinh)		
	- Cảng rớt khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyển tải	279.900	0,3
	- Từ khu vực Nghi Sơn	236.600	0,3

* Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT.

* Thời điểm áp dụng từ 01/05/2024.



1.2. Bên B phải đảm bảo về kỹ thuật cho phương tiện vận chuyển và phải đảm bảo phương tiện vận chuyển đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật; đủ điều kiện giao, nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước và cân; có đủ điều kiện kẹp chì; phù hợp với vận chuyển, xếp/dỡ hàng tại cảng rớt hàng và dỡ hàng.

1.3. Giấy tờ của phương tiện vận chuyển:

- a. Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ cho phương tiện vận chuyển hợp lệ trên tuyến vận chuyển đó để vận tải số hàng hóa đã thỏa thuận và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của phương tiện vận chuyển.
- b. Các giấy tờ của phương tiện vận chuyển phải còn hiệu lực theo quy định của pháp luật.

2. Nhân sự:

Nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng phải có đầy đủ bằng cấp/giấy chứng nhận hành nghề phù hợp với công việc đảm nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

Điều 3. Thời gian, phương thức giao nhận, chứng từ vận chuyển

1. Thời gian giao, nhận hàng:

1.1. Khi có nhu cầu vận chuyển, Bên A thông báo kế hoạch vận chuyển (khối lượng, địa điểm giao nhận hàng của từng chuyến hàng) cho Bên B để Bên B sắp xếp, bố trí phương tiện

1.2. Thời gian thực hiện: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024

2. Phương thức giao, nhận:

1.1. Giao nhận về khối lượng: Số lượng than giao nhận tại hai đầu bến áp dụng một trong hai phương thức: Qua cân hoặc đo mớn nước.

1.2. Giao nhận về chất lượng:

a. Tại điểm rớt hàng: Các lô hàng trước khi rời địa điểm nhận đều được đơn vị giám định lấy mẫu giám định chất lượng và cấp Giấy chứng nhận giám định chất lượng kèm theo.

b. Tại điểm dỡ hàng: Trước khi dỡ hàng; đại diện Bên A, Bên B tiến hành lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định chất lượng lô hàng theo quy định đối chiếu chất lượng ở đầu nguồn. Trường hợp bên nhận chấp nhận các chỉ tiêu chất lượng than cấp kèm theo lô hàng, thì không phải lấy mẫu lại, trong trường hợp này bên nhận tổ chức dỡ hàng ngay và không có quyền khiếu nại về chất lượng lô hàng.

3. **Độ ẩm giao nhận:** Là độ ẩm thực tế nhưng không vượt quá độ ẩm tối đa theo TCVN và/hoặc TCCS hiện hành.

4. **Hao hụt hàng hóa:** Được quy định chi tiết trong các Phụ lục Hợp đồng cụ thể cho từng loại hàng hóa và từng tuyến vận chuyển.

5. **Chứng từ vận chuyển:** Các phương tiện vận chuyển than trước khi rời cảng xếp hàng phải có đầy đủ các giấy tờ bao gồm:

a. Giấy vận chuyển (nếu kho vận cấp);

b. Giấy chứng nhận giám định khối lượng, chất lượng than;

- c. Hoá đơn bán than;
- d. Biên bản giao nhận đầu nguồn;
- e. Các chứng từ khác do Bên A cung cấp (nếu có).

Điều 4. Đơn giá, khối lượng tính cước, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Đơn giá:

Đơn giá vận chuyển sẽ được thỏa thuận theo từng tuyến vận chuyển và được quy định chi tiết trong các Phụ lục Hợp đồng cụ thể. Phụ lục Hợp đồng là phần bổ sung đính kèm theo Hợp đồng và là thành phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Phụ lục Hợp đồng quy định chi tiết về giá cước và các phụ phí khác (nếu có).

2. Khối lượng tính cước:

- 2.1. Khối lượng tính cước là khối lượng chưa quy âm theo hóa đơn mà đơn vị bán hàng cho Bên A cấp hoặc/và khối lượng theo hóa đơn mà đơn vị bán hàng cho Bên A cấp.
- 2.2. Nếu tỉ lệ hao hụt vượt quá hao hụt tại Khoản 4, Điều 3 tại hợp đồng này thì khối lượng thanh toán sẽ bằng khối lượng rút hàng chưa quy âm trừ (-) khối lượng vượt quá hao hụt.

3. Hoá đơn:

Bên B ghi hoá đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính trực tiếp cho Bên A.

4. Chứng từ để làm cơ sở tính cước vận chuyển:

- 4.1. Biên bản đối chiếu cước vận chuyển;
- 4.2. Hoá đơn GTGT cước vận chuyển;
- 4.3. Các biên bản khác mà Bên A cung cấp (nếu có).

5. Phương thức thanh toán: Hàng tháng những chuyến hàng đã xong hoàn thiện giấy tờ trước ngày 25, hai bên sẽ lập biên bản quyết toán cước phí vận tải của tháng đó. Sau ngày 25 sẽ được lập biên bản quyết toán cước phí vận tải sang tháng tiếp theo. Căn cứ biên bản quyết toán này Bên A sẽ thanh toán tiền vận tải cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

6. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ nếu có

7. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B mỗi tháng một lần, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ chứng từ thanh toán.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại

- 1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo quản hàng hoá từ khi nhận của Bên A, trên đường vận chuyển đến khi giao xong cho đơn vị nhận than cuối nguồn. Trong quá trình vận chuyển, nếu làm thất thoát về khối lượng và/ hoặc làm giảm phẩm cấp than, hoặc tăng độ ẩm so với đầu nguồn thì Bên B phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại, đồng thời chịu phạt thêm 100% giá trị nữa. Đơn giá để xác định giá trị thiệt hại: Tính theo giá bán than khu vực tại điểm dỡ hàng cuối nguồn.

006474
ÔNG T
CỔ PHẦN
TÀI TH
VACOMIN
QUẬN

2. Trong trường hợp hao hụt vượt quá định mức quy định tại Khoản 4, Điều 3 tại hợp đồng này thì Bên B sẽ phải bồi thường 100% giá trị của khối lượng than hao hụt đó. Giá trị của khối lượng than hao hụt đó sẽ được bù trừ vào tiền cước vận chuyển của Bên A thanh toán cho Bên B. Đơn giá để xác định giá trị thiệt hại: Tính theo giá bán than tại điểm rót hàng đầu nguồn.
3. Nếu làm giảm phẩm cấp than do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại do việc lô hàng bị giảm phẩm cấp gây ra.
4. Trong quá trình hàng hoá vận chuyển về địa chỉ cuối nguồn, nếu Bên B để xảy ra sự cố chìm đắm phương tiện làm mất mát than, do lỗi của phương tiện vận chuyển, thì Bên B bồi thường 100% giá trị của khối lượng than thất thoát đó, theo giá bán than tại đầu nguồn.
5. Trường hợp phương tiện của Bên B vận chuyển than không thực hiện đúng tuyến vận chuyển dẫn đến hậu quả: không thực hiện được việc đưa than về cuối nguồn giao cho Bên A, Bên B phải bồi thường cho Bên A 200% giá trị lô hàng, theo mức giá bán tại điểm giao than cuối nguồn.
6. Trường hợp Bên B bố trí phương tiện vận chuyển không đúng quy định, không đúng thời gian Bên A yêu cầu, làm thất thoát cho Bên A thì Bên B phải bồi thường 200% giá trị lô hàng cho Bên A và Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi Bên:

1. Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên A:

1.1. Quyền lợi của Bên A:

- a. Yêu cầu Bên B chuyên chở hàng hóa đến đúng địa điểm, thời điểm đã thoả thuận;
- b. Trực tiếp hoặc chỉ định người thứ ba nhận hàng hóa đã thuê Bên B vận chuyển;
- c. Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại (nếu có) trong quá trình vận chuyển.

1.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Chuẩn bị đủ nguồn hàng để rót cho phương tiện của Bên B đúng năng suất đã thoả thuận;
- b. Thông báo kịp thời kế hoạch vận chuyển cho Bên B;
- c. Đảm bảo bến bãi, thiết bị xếp dỡ an toàn;
- d. Chịu trách nhiệm xếp dỡ hàng ở hai đầu vận chuyển, đảm bảo năng suất thoả thuận và cử các cán bộ có mặt tại hiện trường để cùng với Bên B giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình làm hàng;
- e. Thanh toán cước phí vận chuyển;

2. Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B:

2.1. Quyền lợi của Bên B:

- a. Có quyền kiểm tra số lượng, chất lượng, trọng lượng hàng hóa, quy cách đóng gói hàng hóa;
- b. Từ chối vận chuyển hàng hóa không đúng với loại hàng hóa đã thoả thuận trong hợp đồng;

- c. Từ chối vận chuyển hàng hóa cấm giao dịch, hàng hóa có tính chất nguy hiểm, độc hại;
- d. Yêu cầu Bên A thanh toán đủ cước phí vận chuyển đúng thời hạn.

2.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- a. Bên B có trách nhiệm bảo quản hàng hóa kể từ khi nhận của Bên A bằng biên bản giao nhận than đầu nguồn, vận chuyển về đến bến cuối nguồn giao xong cho Bên A, không để xảy ra mất mát hoặc thay đổi chất lượng của than trong cả quá trình vận chuyển. Thực hiện đúng tuyến vận chuyển, giao than đúng địa điểm chỉ định.
- b. Phương tiện vận chuyển than phải đi đúng hành trình và thời gian quy định. Trường hợp phương tiện xảy ra sự cố Bên B phải có thông báo cho Bên A trong thời gian không quá 06 tiếng kể từ khi xảy ra sự cố để hai bên phối hợp giải quyết.
- c. Bố trí đủ phương tiện vận chuyển, các phương tiện có đủ điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật. Phương tiện phải được mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
- d. Người tham gia điều khiển phương tiện phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- e. Khi phương tiện vào nhận hàng phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Cảng, hướng dẫn xếp hàng đủ trọng tải đăng kiểm của phương tiện cho phép.
- f. Cử cán bộ có trách nhiệm thực hiện đối chiếu khối lượng vận chuyển hàng tháng với Bên A và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

Điều 7. Sự kiện bất khả kháng:

- 1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan, không tiên liệu được và nằm ngoài tầm kiểm của các bên; các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không hạn chế như: thiên tai, chiến tranh, xâm lăng, bế quan toả cảng bởi lực lượng thù địch, nổi loạn, đình công tại nhà máy, cảng, tình trạng lũ lụt, bão táp, núi lửa, động đất.
- 2. Bất kì bên nào bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên còn lại bằng điện thoại cho người phụ trách, sau đó gửi văn bản (Fax, telex) chậm nhất trong vòng 06 giờ tính từ thời gian sự kiện bất khả kháng bắt đầu xảy ra.
- 3. Bên B gặp bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm hợp đồng của mình ngay khi sự kiện bất khả kháng kết thúc.

Điều 8. Các điều khoản chung:

- 1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này. Không bên nào được gây khó khăn hoặc cản trở bên kia thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của mình quy định trong hợp đồng này.
- 2. Mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) phải được bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng ký giữa đại diện hai bên mới có hiệu lực thực hiện.
- 3. Những điều khoản không thoả thuận trong hợp đồng này, Hai Bên căn cứ vào các văn bản pháp luật đang có hiệu lực để thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có xảy ra vướng mắc hai Bên cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của mỗi bên và quyền lợi của Nhà nước. Nếu hai Bên không thể tự giải quyết được theo hình thức thương lượng, hoà giải thì tranh chấp được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.
5. Hợp đồng này sẽ được tự động thanh lý mà không cần lập thành văn bản sau 15 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong mọi nghĩa vụ theo thỏa thuận.
6. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở để triển khai thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A *[Signature]*
CỘNG TY TNHH
VẬN TẢI BIỂN
PHƯƠNG TRANG
TP. HA LONG - T. QUẢNG NINH
GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hoàn

ĐẠI DIỆN BÊN B *[Signature]*
CỘNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI THUY
VINACOMIN
TP. HA LONG - T. QUẢNG NINH
GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Trọng Hoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN THAN NĂM 2024-2025

Số: 0205/2024/HĐVC/PT-VTT



- Căn cứ Luật dân sự năm 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi tương ứng hiện hành.
- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 05 năm 2024, tại Thành phố Hạ Long, chúng tôi gồm

Bên thuê vận chuyển: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN PHƯƠNG TRANG
(gọi tắt là **Bên A**)

Trụ sở tại: Tổ 6 Khu 6, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0913265073 Fax:
Tài khoản: 4480819999 tại Ngân hàng BIDV – CN Hạ Long
Tài khoản: 112642778888 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701883401
Do ông: **Phạm Văn Hoan** - Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Bên vận chuyển: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN
(gọi tắt là **Bên B**)

Địa chỉ: Ô số 16, Lô B17 khu đô thị Cột 5, Cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203 3820567 Fax: 0203 3518 322/059
Tài khoản: 8689.8888.001 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Quảng Ninh
Tài khoản: 448.5066.888 tại BIDV – CN Hạ Long
Mã số thuế: 5 7 0 0 6 4 7 4 5 8
Do ông: **Phạm Thế Trọng Toàn** – Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng vận chuyển năm 2024 với các điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng, khối lượng, tuyến vận chuyển và đơn giá vận chuyển

- 1.1- Tên hàng: than cám các loại.
- 1.2- Khối lượng (dự kiến): 50.000 tấn ($\pm 10\%$)

Căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế hợp lý và nhu cầu của khách hàng mua than, hàng tháng hai bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyển cho phù hợp.

- 1.3- Tuyến vận chuyển và đơn giá:

STT	Tuyến vận chuyên	Đơn giá (đồng/tấn)
1	Từ khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyên tải đi Cảng NMNĐ Nghi Sơn 1 (Thanh Hóa)	77.100
2	Từ khu vực Điện Công/Bến Cấn (Quảng Ninh) đi Cảng NMNĐ Nghi Sơn 1 (Thanh Hóa)	87.100

1.4- Cước vận chuyên sẽ được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh giá cước của TKV theo sự biến động của giá nhiên liệu và/hoặc theo sự thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng bổ sung được hai bên ký.

Điều 2. Phương tiện vận chuyên

2.1. Phương tiện vận chuyên.

+ Đối với tuyến vận chuyên đi NĐ Nghi Sơn 1: Tàu biển hoặc tàu SB có trọng tải ≥ 3.000 DWT, tối đa 7.000 DWT có đủ điều kiện vận chuyên theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.

+ Tuổi phương tiện vận chuyên: ưu tiên những phương tiện không quá 15 tuổi.

2.2- Phương tiện vận chuyên phải đủ điều kiện hoạt động theo luật định, đủ khả năng chuyên chở hàng hóa, phù hợp với loại hàng hóa được vận chuyên và hoạt động đúng phạm vi đăng kiểm, đủ điều kiện xác định khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Đảm bảo đủ các phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thời gian thực hiện hợp đồng, phải được trang bị bạt che hàng, đảm bảo an toàn hàng hoá trong quá trình vận chuyên.

2.3- Phương tiện vận chuyên phải tham gia bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu và Đơn bảo hiểm này có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyên. Hàng hóa chỉ được xếp lên phương tiện vận chuyên khi có sự xác nhận từ công ty bảo hiểm.

2.4- Bên vận chuyên phải gửi danh sách các phương tiện vận chuyên cùng với các giấy tờ liên quan có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyên cho Bên A để cung cấp cho các đơn vị bảo hiểm xác nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm trước khi giao than lên phương tiện vận chuyên. Bên vận chuyên phải đảm bảo các chứng từ của phương tiện vận chuyên là thật và các chứng từ này phải có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyên hàng hóa được bảo hiểm; bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau:

- a. Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện;
- b. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa);
- c. Giấy đăng kiểm của phương tiện, cụ thể:
 - Đối với Tàu biển là Giấy chứng nhận phân cấp tàu,
 - Đối với tàu SB là Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

2.5- Trong trường hợp đơn vị bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất nguyên nhân do phương tiện vận tải thiếu các giấy tờ hợp lệ/giấy tờ hết hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyên/giấy tờ giả mạo, đơn vị vận chuyên phải bồi thường cho toàn bộ tổn thất (nếu có)

2.6. Phương tiện vận chuyển cho từng lô hàng sẽ được quy định cụ thể trong các phụ lục hợp đồng vận chuyển kèm theo hợp đồng này.

Điều 3. Phương pháp xác định khối lượng, độ ẩm giao nhận và tỷ lệ hao hụt

3.1- Phương pháp xác định khối lượng: Giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước hoặc bằng cân (căn cứ vào phương pháp xác định khối lượng giữa TKV và khách hàng mua than).

3.2- Độ ẩm giao nhận:

Tại cảng xếp hàng: Là độ ẩm thực tế tại cảng xếp hàng. Độ ẩm tiếp nhận không lớn hơn 13%. Trường hợp độ ẩm đầu nguồn lớn hơn 13% thì thực hiện theo thoả thuận và có sự thống nhất của các bên liên quan (Bên bán than, Mua than, vận chuyển).

3.3- Tỷ lệ hao hụt (mức trần) trong quá trình giao nhận, vận chuyển: Tỷ lệ hao hụt giao nhận bằng giám định mớn nước tối đa 0,3%.

Chênh lệch hao hụt được tính như sau: khối lượng chênh lệch hao hụt bằng khối lượng rót hàng tại đầu nguồn tương ứng với độ ẩm thực tế tại cảng rót (theo giấy chứng nhận giám định khối lượng, chất lượng than cảng rót) trừ khối lượng giao nhận cuối nguồn được quy về độ ẩm tại đầu nguồn, cách tính quy đổi theo các TCVN hiện hành.

Điều 4. Năng suất xếp và dỡ hàng

Thời gian xếp/dỡ hàng/thường, phạt dôi nhật:

- Tại cảng xếp hàng: CQD (không thưởng, không phạt, tốc độ xếp, dỡ hàng theo tập quán phổ biến của cảng).

- Tại cảng dỡ hàng: theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên Mua hàng.

Điều 5. Thời gian làm hàng và vận chuyển

5.1- Khi tàu đến vị trí neo chờ vào cầu (khu vực qui định của cảng) đại diện phương tiện trao thông báo sẵn sàng làm hàng (N.O.R) để xếp/dỡ hàng trong giờ làm việc buổi sáng (từ 08:00 đến 12:00 giờ), buổi chiều (từ 13:00 đến 17:00 giờ) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Bảy trừ chủ nhật, ngày lễ, tết), thời gian làm hàng được tính như sau:

+ Tại cảng xếp: Nếu N.O.R trao vào buổi sáng trước 12:00 giờ, thời gian làm hàng sẽ được tính từ 13:00 giờ cùng ngày, trường hợp N.O.R trao sau 12:00 giờ thì thời gian làm hàng sẽ được tính vào 08:00 giờ sáng hôm sau.

Do phải làm mẫu chất lượng hàng tại cảng xếp, nên thời gian xếp hàng được cộng thêm tối đa là 12 giờ để tính thời gian làm hàng tại cảng xếp. Nếu thời gian làm mẫu dưới 12 giờ thì tính theo số giờ thực tế.

+ Tại cảng dỡ: Sau khi tàu cập cảng, đại diện của TKV, khách hàng cùng với đại diện phương tiện kiểm tra kẹp chì và mở hầm hàng tiến hành lấy mẫu, giám định khối lượng, giám định chất lượng, (thời gian này không quá 24 giờ kể từ khi tàu cập cảng, không tính thời gian làm hàng) và sau đó tiến hành dỡ hàng.

5.2- Thay đổi thời gian xếp hàng: Trường hợp cần thay đổi thời gian xếp hàng, trong thời gian không dưới 07 ngày trước thời hạn xếp hàng (đã có laycan) trước đó, Bên A gửi thông báo đề nghị sửa đổi ngày xếp hàng chậm lại/hoặc nhanh hơn để Bên B có thời gian điều chỉnh lịch tàu cho phù hợp.

Điều 6. Khối lượng tính cước, thanh toán

006
HỘI
CÔNG
AN T
VINA
LONG

6.1- Khối lượng tính cước: là khối lượng than giao nhận tại cảng dỡ hàng tương ứng với độ ẩm thực tế (theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng tại cảng dỡ hàng).

6.2 - Thanh toán:

6.2.1- Chứng từ thanh toán gồm:

+ Vận tải đơn.

+ Biên bản giao nhận than tại các địa điểm trả hàng.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng cước vận chuyển.

+ Các giấy tờ hàng hoá khác (nếu có)

6.2.2- Phương thức và thời hạn thanh toán:

6.2.2.1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc bù trừ công nợ (nếu có)

6.2.2.2. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B theo từng chuyến hàng đã được vận chuyển trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán như quy định tại mục 6.2.1 nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2- Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại khoản 7.1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3- Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác

nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4- Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5- Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6- Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8. Miễn bồi thường, bồi thường

8.1- Bồi thường:

(a) Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hoá bị tổn thất bao gồm nhưng không giới hạn các nguyên nhân sau: sai sót của thuyền trưởng, thủy thủ trong quá trình điều khiển phương tiện, va chạm với bên thứ ba, lỗi kỹ thuật của phương tiện, Bên vận chuyển vi phạm luật Hàng hải hoặc luật giao thông đường thủy nội địa, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn, làm thay đổi thiết kế kỹ thuật của phương tiện, xếp hàng quá tải, làm mất niêm phong kẹp chì dẫn đến mất/tổn thất than...

(b) Trường hợp hàng hoá bị tổn thất và/hoặc bị giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng và/hoặc để hàng hoá hao hụt vượt quá mức trần qui định tại mục 3.3 Điều 3, thì Bên vận chuyển phải bồi thường cho Bên A 100% giá trị khối lượng than tổn thất và/hoặc hao hụt quá tỷ lệ qui định hoặc giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng, theo giá hồ sơ thanh toán của lô hàng tại thời điểm xảy ra tổn thất.

(c) Trường hợp độ ẩm của than tăng thêm trong quá trình giao nhận, vận chuyển do lỗi của Bên vận chuyển thì Bên thuê vận chuyển được quyền xem xét việc tạm dừng khai thác phương tiện vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên vận chuyển (trường hợp vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng).

158 - C
TY
ẤN
THỦY
OMIN
QUANG

Khi phát sinh việc độ ẩm của than tăng do lỗi của Bên vận chuyển, thì đại diện các bên lập biên bản sự việc xác định tỷ lệ độ ẩm tăng, khối lượng tăng thêm do tăng độ ẩm của than và trách nhiệm của Bên vận chuyển.

8.2- Khối lượng hàng hoá hao hụt vượt quy định được tính cho từng phương tiện vận chuyển, nếu có, Bên B phải bồi thường như quy định tại khoản 8.1.b.

8.3- Trường hợp phương tiện phải chờ dỡ hàng và dỡ hàng chậm tại cảng dỡ trong điều kiện thời tiết bình thường (ngoại trừ bất khả kháng) do lỗi của Bên mua hàng, thì việc phạt dôi nhật phương tiện (nếu có) được thực hiện theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên mua hàng.

8.4- Trường hợp Bên B cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán than mà TKV đã ký với khách hàng thì Bên B phải bồi thường chi phí chờ đợi rút hàng của thiết bị, chi phí trả công nhân xếp dỡ và các chi phí liên quan đồng thời chịu bồi thường toàn bộ tổn thất mà TKV phải chịu theo hợp đồng mua bán than với bên mua hàng.

8.5. Bồi thường tổn thất: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên vận chuyển vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng mà gây ra thiệt hại, tổn thất cho Bên Thuê vận chuyển thì Bên vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho Bên Thuê vận chuyển toàn bộ các tổn thất mà Bên vận chuyển đã gây ra và các chi phí mà Bên Thuê vận chuyển đã phải chi trả để khắc phục (nếu có).

8.6- Chứng từ thanh toán các khoản bồi thường gồm:

+ Biên bản xác định khối lượng, giá trị than bị tổn thất hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định, hoặc về việc cung cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian, hoặc về thời gian dôi nhật tàu lập giữa hai bên.

+ Văn bản đề nghị bồi thường hoặc trả tiền phạt của bên bị vi phạm gửi bên vi phạm.

8.7- Tiền bồi thường (nếu có) được thanh toán mỗi tháng một lần, trước ngày 15 của tháng sau.

Điều 9. Trách nhiệm của mỗi bên

9.1- Trách nhiệm của Bên A:

+ Thông báo kế hoạch vận chuyển cho Bên B trước ngày 03 của tháng (bằng email/fax).

+ Cấp đủ các chứng từ kèm theo lô hàng theo quy định.

+ Đảm bảo bến bãi, thiết bị xếp dỡ an toàn, đảm bảo năng suất.

+ Chịu trách nhiệm xếp/dỡ hàng ở hai đầu bến đảm bảo năng suất thỏa thuận, thời hạn laycan và phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm hàng.

+ Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B đúng thời hạn thỏa thuận theo Quy định tại điều 6.2.2.

+ Cử cán bộ có thẩm quyền tại các địa điểm giao nhận để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao nhận hàng hoá tại hai đầu bến.

9.2- Trách nhiệm của Bên B:

+ Đảm bảo đủ phương tiện vận chuyển hàng và đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

+ Thông báo cho Bên A lịch tàu (laycan) nhận hàng tại cảng xếp (bằng email/fax) trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo kế hoạch vận chuyển tháng của Bên A. Thông báo cho Bên A trước ít nhất 24 giờ, trước khi phương tiện vào cảng trả hàng.

+ Điều động tàu đến cảng trong thời hạn laycan để nhận hàng.

+ Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu và các giấy tờ theo luật định; tuân thủ nội quy của các cảng xếp và dỡ hàng.

+ Chủ phương tiện chịu trách nhiệm bảo quản, đảm bảo an toàn hàng hóa về chất lượng, khối lượng trong suốt quá trình xếp/dỡ và vận chuyển.

+ Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT của hàng hoá;

- Vận tải đơn (Bill of lading);

- Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của TKV hoặc đơn vị giám định của khách hàng cấp kèm theo lô hàng;

- Biên bản kẹp chì hầm hàng.

+ Thông báo kịp thời cho Bên A những vướng mắc, sự cố phát sinh trong quá trình vận chuyển và giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.

Khi có tổn thất than vì bất kỳ lý do nào, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng email hoặc điện thoại và bằng văn bản trong vòng 24 giờ kể từ khi tổn thất xảy ra và phải cùng Bên A, cùng các bên liên quan xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho Bên A và công ty Bảo hiểm hàng hoá (than).

Điều 10. Điều khoản thi hành

10.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này.

10.2- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp để giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng quyền lợi của mỗi bên.

10.3- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được hai bên bàn bạc, thoả thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng bổ sung để thực hiện.

10.4- Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

10.5- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý mà không cần phải lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thoả thuận của hợp đồng này.

10.6- Hợp đồng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2024 đến hết ngày 31/12/2025. Trường hợp than được rót lên phương tiện vận chuyển trước 31/12/2025 nhưng chưa kết thúc hành trình và dỡ hàng thì hợp đồng được tự động gia hạn cho đến khi kết thúc việc dỡ hàng. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

